A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM.

Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.

Có thể giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó bằng cách dùng sơ đồ đoạn thẳng. Cụ thể là:

Bước 1: Vẽ sơ đồ đoạn thẳng.

Bước 2: Tìm hiệu số phần bằng nhau.

Bước 3: Tìm giá trị một phần.

Bước 4: Tìm số bé, số lớn.

LIVEWORKSHEETS

B. BÀI TẬP.

I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Hiệu của hai số là 45. Số lớn gấp 4 lần số bé. Hai số đó là:

A. 55 và 10 **B.** 60 và 15 **C.** 49 và 13 **D.** 45 và 15

Câu 2. Hiệu hai số là 60. Tỉ số của hai số là $\frac{5}{7}$. Số bé là:

A. 25 **B.** 30 **C.** 150 **D.** 210

Câu 3. Hiệu hai số bằng 60. Số bé bằng $\frac{1}{4}$ số lớn. Số lớn là:

A. 15 B. 45 C. 80 D. 20

Câu 4. An có nhiều hơn Bình 56 điểm 10. Biết $\frac{3}{7}$ điểm 10 của An thì bằng số điểm 10 của Bình. An có số điểm 10 là:

A. 24 điểm 10 **B.** 42 điểm 10 **C.** 98 điểm 10 **D.** 89 điểm 10

Câu 5. Hình bình hành có diện tích $\frac{8}{5}$ m^2, cạnh đáy dài 2m. Tỉ số giữa đường cao và đáy của hình bình hành là:

A. $\frac{4}{5}$ **B.** $\frac{2}{25}$ m **C.** $\frac{2}{5}$ m **D.** $\frac{2}{5}$

Câu 6. Một trường tiểu học có học sinh nữ ít hơn số học sinh nam là 75 em. Số học sinh nữ bằng $\frac{7}{8}$ số học sinh nam. Tổng số học sinh của trường tiểu học đó là:

A. 525 học sinh **B.** 1025 học sinh **C.** 1125 học sinh **D.** 1152 học sinh

II. Phần tự luận.

Bài 1. Viết số thích hợp vào ô trống.

Hiệu hai số	240	832	217	723
Tỉ số của hai số	$\frac{3}{8}$	$\frac{5}{13}$	$\frac{14}{15}$	$\frac{8}{11}$
Số bé				
Số lớn				

Bài 2. An có nhiều hơn Bình 24 viên bi. Số bi của Bình bằng một nửa số bi của An. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Bài giải

LIVEWORKSHEETS

Bài 3. Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi. Sau 3 năm nữa, tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

Bài giải

Bài 4. Cho hai số, nếu lấy số thứ nhất chia cho số thứ hai thì được thương là 5. Nếu lấy số thứ hai cộng thêm với 272 thì được số thứ nhất. Tìm hai số đó.

Bài giải

LIVEWORKSHEETS